

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 107/2022/DS-ST

Ngày: 20-9-2022

“V/v chia di sản thừa kế”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Đắc Nghĩa**;

2. Ông **Đỗ Thiết Lập**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thái Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồng Thị Ngọc T**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ 6, ấp L, xã H, huyện C, tỉnh N (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Hồng Thị Thanh P**, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 5, ấp L, xã H, huyện C, tỉnh N (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ông **Hồng Thanh H**, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ 5, ấp L, xã H, huyện C, tỉnh N (có mặt).

2- Anh **Đỗ Hồng Q**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 4, ấp L, xã H, huyện C, tỉnh N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3- Bà **Hồng Thị Ngọc T**, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 5, ấp L, xã H, huyện C, tỉnh N (có mặt).

4- Bà **Hồng Thị Huệ V**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ 5, ấp L, xã H, huyện C, tỉnh N (có mặt).

5- Bà **Hồng Thị Huệ Đ**, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 5, ấp L, xã H, huyện C, tỉnh N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6- Ông **Hồng Minh S**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 4, ấp L, xã H, huyện C, tỉnh N (có mặt).

7- Chị Hồng Thị Thanh X, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố 2 (khu phố Hiệp Tân cũ), Phường 4 (phường Hiệp Ninh cũ), thành phố T, tỉnh N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

8- Chị Hồng Thị Thanh H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Khu phố 2 (khu phố Hiệp Tân cũ), Phường 4 (phường Hiệp Ninh cũ), thành phố T, tỉnh N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 30/12/2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/6/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là bà Hồng Thị Ngọc T trình bày:

Cha bà là Hồng Văn B, sinh năm 1930 đã chết khi bà khoảng 08-09 tuổi. Mẹ bà là Đinh Thị P đã chết ngày 30/01/2021. Cha mẹ bà có 09 người con gồm: Hồng Thanh H; Hồng Thị Thanh P; Hồng Thị Thanh N (đã chết năm 2000), có 01 người con tên Đỗ Hồng Q; Hồng Thị Ngọc T; Hồng Thanh Đ (đã chết năm 1996), có 02 người con là Hồng Thị Thanh X và Hồng Thị Thanh H; Hồng Thị Huệ V; Hồng Minh S; Hồng Thị Huệ Đ và bà. Như vậy, hiện nay cha mẹ bà còn lại 07 người con là hàng thừa kế thứ nhất của mẹ bà, 03 người cháu là người thừa kế thế vị, ngoài ra không còn ai khác là người thừa kế của mẹ bà vì ông bà Ngoại bà đã chết từ lâu.

Khi còn sống mẹ bà có tài sản là các phần đất sau: Thửa số 129, tờ bản đồ số 30, diện tích 6.046,7 m²; thửa đất số 243, tờ bản đồ số 30, diện tích 2.178,6 m² đều tọa lạc tại ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc đất này chỉ do mẹ bà mua và khai phá từ năm 1975 đến nay, không liên quan đến cha bà và hiện nay vẫn còn do mẹ bà đứng tên. Trước khi chết, mẹ bà có làm di chúc để lại một phần thửa đất số 129, tờ bản đồ số 30 diện tích khoảng hơn 2.000 m² cho cháu nội là Hồng Minh T hưởng thừa kế, phần còn lại không có di chúc. Hiện nay các thửa đất trên do bà đang quản lý, sử dụng. Sổ đỏ các thửa đất trên do bà P đang giữ. Mẹ bà không có nợ ai.

Nay bà yêu cầu trừ phần mẹ bà đã di chúc cho Hồng Minh T thuộc một phần thửa đất số 129, tờ bản đồ số 30 ra; phần còn lại của thửa đất số 129 và thửa đất số 243, tờ bản đồ số 30 thì chia theo pháp luật. Bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của bà là 1/9 diện tích đất. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Hồng Thị Thanh P trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà T về những người thuộc hàng thừa kế của mẹ bà, di sản của mẹ bà để lại.

Nay bà yêu cầu trừ phần mẹ bà đã di chúc cho Hồng Minh T ra và chừa lại 10 m ngang đất thuộc một phần thửa đất số 129, tờ bản đồ số 30 để làm nhà thờ; phần còn lại của thửa đất số 129 và thửa đất số 243, tờ bản đồ số 30 thì chia theo pháp luật. Bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của bà là 1/9 diện tích đất. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồng Minh S, bà Hồng Thị Huệ Đ, bà Hồng Thị Ngọc T trình bày:

Các ông, bà thống nhất với lời trình bày của bà T về những người thuộc hàng thừa kế của mẹ các ông bà, di sản của mẹ các ông bà để lại.

Nay các ông bà thống nhất với yêu cầu của bà T. Ngoài ra, các ông bà không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồng Thanh H, bà Hồng Thị Huệ V trình bày:

Các ông, bà thống nhất với lời trình bày của bà T về những người thuộc hàng thừa kế của mẹ các ông bà, di sản của mẹ các ông bà để lại.

Nay các ông bà thống nhất với yêu cầu của bà P. Ngoài ra, các ông bà không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Hồng Q trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của bà T về những người thuộc hàng thừa kế của bà Phê, di sản bà Phê để lại.

Nay anh thống nhất với yêu cầu của bà T. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hồng Thị Thanh X, chị Hồng Thị Thanh H trình bày:

Các chị thống nhất với lời trình bày của bà T về những người thuộc hàng thừa kế của bà Phê, di sản bà Phê để lại.

Nay các chị thống nhất với yêu cầu của bà P. Ngoài ra, các chị không yêu cầu gì khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc chia di sản thừa kế đối với bà P. Di sản thừa kế được chia làm 09 phần bằng nhau, trong đó: Bà T, bà P, ông H, ông S, bà T, bà V, bà Đ mỗi người được chia một phần; anh Q được chia một phần; chị X và chị H được chia một phần.

+ Buộc các đương sự phải chịu chi phí đo đạc, định giá và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Hồng Q, chị Hồng Thị Thanh X, bà Hồng Thị Huệ Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, bà Hồng Thị Ngọc T, ông Hồng Minh S, bà Hồng Thị Ngọc T yêu cầu trừ phần bà Phê đã di chúc cho Hồng Minh Tthuộc một phần thửa đất số 129, tờ bản đồ số 30 ra; phần còn lại của thửa đất số 129 và thửa đất số 243, tờ bản đồ số 30 thì chia theo pháp luật; các ông, bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là 1/9 diện tích đất. Bà Hồng Thị Thanh P, ông Hồng Thanh H, bà Hồng Thị Huệ V đồng ý chia di sản thừa kế của bà Phê theo yêu cầu của bà Hồng Thị Ngọc T, ông Hồng Minh S, bà Hồng Thị Ngọc T như trên; các ông, bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là 1/9 diện tích đất. Chị Hồng Thị Thanh H thống nhất với yêu cầu của bà Hồng Thị Thanh P. Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế và di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận bà Đinh Thị Pchết vào ngày 30/01/2021 nên thời điểm mở thừa kế đối với di sản của bà Phê là ngày 30/01/2021, nay các đương sự đều có yêu cầu chia di sản của bà Phê để lại là phù hợp. Các đương sự cũng thừa nhận các phần đất yêu cầu chia trong vụ án này và còn đang tranh chấp là một phần thửa đất số 129 và thửa đất số 243, tờ bản đồ số 30 thì bà Phê không để lại di chúc nên được chia theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về xác định hàng thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận bà Phê có 09 người con gồm: Bà Hồng Thị Ngọc T; ông Hồng Thanh H; bà Hồng Thị Thanh P; bà Hồng Thị Thanh N (đã chết năm 2000), có 01 người con tên Đỗ Hồng Q; bà Hồng Thị Ngọc T; ông Hồng Thanh Đ (đã chết năm 1996), có 02 người con là Hồng Thị Thanh X và Hồng Thị Thanh H; bà Hồng Thị Huệ V; ông Hồng Minh S; bà Hồng Thị Huệ Đ, ngoài ra không còn ai khác. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Phê gồm: Bà Hồng Thị Ngọc T; ông Hồng Thanh H; bà Hồng Thị Thanh P; bà Hồng Thị Ngọc T; bà Hồng Thị Huệ V; ông Hồng Minh S; bà Hồng Thị Huệ Đ; những người thừa kế thế vị gồm: Anh Đỗ Hồng Q; chị Hồng Thị Thanh X và chị Hồng Thị Thanh H.

[2.3] Về xác định số kỷ phần thừa kế: Do di sản của bà Phê được phân chia theo pháp luật, bà Diệp là người thờ cúng bà Phê cũng yêu cầu chia đều nên di sản của bà Phê được chia làm 09 kỷ phần bằng nhau. Trong đó, bà T, bà P, ông H, bà T, bà V, ông S, bà Đ mỗi người được chia 01 kỷ phần; anh Q được chia 01 kỷ phần; chị X và chị H được chia một kỷ phần. Phần thửa đất số 129 và thửa đất số 243 tờ bản đồ số 30 phải chia trong vụ án này có tổng diện tích đo đạc thực tế là 6.562,6 m², có 600 m² đất thổ cư, có chiều dài mặt tiền đường hướng Nam là 74,46 m và chiều dài mặt hậu hướng Bắc là 76,14 m, có tứ cận: Đông giáp phần còn lại của thửa 129 do Hồng Minh T đang sử dụng, Tây giáp đất ông Kiên và thửa 242, Nam giáp đường đất, Bắc giáp thửa 242.

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế:

[2.4.1] Tại phiên tòa, bà T, bà T, ông S, bà P, ông H, bà V, chị H thống nhất yêu cầu: Trừ phần bà Phê đã di chúc cho anh Hồng Minh T thuộc một phần thửa đất số 129, tờ bản đồ số 30 ra; phần còn lại của thửa 129 và thửa 243 tờ bản đồ 30 không có di chúc thì chia theo quy định của pháp luật. Do đó, di sản trên của bà Phê được chia theo pháp luật là phù hợp.

[2.4.2] Tại phiên tòa, bà T xin nhận đất giáp đất Hồng Minh T về hướng Đông trên sơ đồ đo đạc, bà Đ xin nhận đất giáp đất bà T, ông S xin nhận đất giáp đất bà Đ, bà T xin nhận đất giáp đất ông S rồi đến đất anh Q, chị H xin nhận đất giáp đất anh Q, bà V xin nhận đất giáp đất chị H, ông H xin nhận đất giáp đất bà V, bà P xin nhận đất giáp đất ông H là tự nguyện cần ghi nhận việc lựa chọn vị trí đất được nhận thừa kế như trên của các đương sự. Các đương sự cũng yêu cầu chia đều kích thước chiều ngang mặt tiền hướng Nam và mặt hậu hướng Bắc, còn chiều dài các cạnh hướng Đông và hướng Tây thì nhận đến hết thửa 129 theo Sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2022 của Công ty TNHH trắc địa và bản đồ miền Nam cũng là tự nguyện, cần ghi nhận.

[2.4.3] Như vậy, căn cứ vào Sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2022 của Công ty TNHH trắc địa và bản đồ miền Nam và Biên bản định giá tài sản ngày 04/8/2022 thì di sản của bà Phê được chia làm 09 phần, mỗi phần trị giá 330.800.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bà T được nhận phần đất thuộc 01 phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, có tứ cận như sau: Đông giáp phần còn lại của thửa 129 mà Hồng Minh T đang sử dụng dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất bà Đ được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

- Bà Diệp được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà T được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất ông S được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

- Ông S được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Diệp được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất bà T được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

- Bà T được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông S được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất anh Q được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

- Anh Quân được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà T được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất chị H, chị X được nhận dài từ

đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

- Chị H , chị X được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất anh Q được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất bà V được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

- Bà V được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất chị H , chị X được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất ông Hồng được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

- Ông H được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà V được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất bà P được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

- Bà P được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông H được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất ông Kiên một đoạn dài 30,48m và một đoạn giáp thửa 242 dài 56,59 m, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

[3] Sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2022 của Công ty TNHH trắc địa và bản đồ miền Nam được đính kèm bản án và là phần không tách rời của bản án.

[4] Về chi phí đo đạc, định giá tổng cộng là 22.000.000 đồng: Do di sản được chia thành 09 phần bằng nhau nên chi phí đo đạc, định giá cũng được chia làm 09 phần bằng nhau, mỗi phần là 2.444.000 đồng. Bà T đã nộp và chi phí xong nên bà P, ông H , bà T , bà Đ , ông S , bà V , anh Q mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà T 2.444.000 đồng; chị X , chị H cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà T 2.444.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà T, bà P, ông H , bà T , bà Đ , ông S , bà V , anh Q mỗi người phải chịu 16.540.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị X , chị H phải chịu 16.540.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồng Thị Ngọc T đối với bà Hồng Thị Thanh P về việc Chia di sản thừa kế. Bà Hồng Thị Ngọc T, ông Hồng Thanh H, bà Hồng Thị Thanh P, anh Đỗ Hồng Q, bà Hồng Thị Ngọc T, chị Hồng Thị Thanh X và chị Hồng Thị Thanh H, bà Hồng Thị Huệ V, ông Hồng Minh S, bà Hồng Thị Huệ Đ được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là các phần đất đều tọa lạc tại ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cụ thể như sau:

1.1. Bà Hồng Thị Ngọc T được nhận phần đất thuộc 01 phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, có tứ cận như sau: Đông giáp phần còn lại của thửa 129 của Hồng Minh T dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất bà Hồng Thị Huệ Đ được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

1.2. Bà Hồng Thị Huệ Đ được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Hồng Thị Ngọc T được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất ông Hồng Minh S được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

1.3. Ông Hồng Minh S được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Hồng Thị Huệ Đ được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất bà Hồng Thị Ngọc T được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

1.4. Bà Hồng Thị Ngọc T được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Hồng Minh S được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất anh Đỗ Hồng Q được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

1.5. Anh Đỗ Hồng Q được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Hồng Thị Ngọc T được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất chị Hồng Thị Thanh H, chị Hồng Thị Thanh X được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

1.6. Chị Hồng Thị Thanh H, chị Hồng Thị Thanh X được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất anh Đỗ Hồng Q được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất bà Hồng Thị Huệ V được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

1.7. Bà Hồng Thị Huệ V được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất chị Hồng Thị Thanh H, chị Hồng Thị Thanh X được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất ông Hồng Thanh H được nhận dài từ đường đất đến hết thửa

129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

1.8. Ông Hồng Thanh H được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Hồng Thị Huệ V được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất bà Hồng Thị Thanh P được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

1.9. Bà Hồng Thị Thanh P được nhận phần đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 30, và một phần thửa 243, tờ bản đồ số 30 có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Hồng Thanh H được nhận dài từ đường đất đến hết thửa 129, Tây giáp phần đất ông Kiên một đoạn dài 30,48m và một đoạn giáp thửa 242 dài 56,59 m, Nam giáp đường đất dài 8,27 m, Bắc giáp thửa 242 dài 8,46 m; trong đó có 66,66 m² đất thổ cư.

2. Sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn trắc địa và bản đồ miền Nam được đính kèm bản án và là phần không tách rời của bản án.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Hồng Thanh H, bà Hồng Thị Thanh P, anh Đỗ Hồng Q, bà Hồng Thị Ngọc T, bà Hồng Thị Huệ V, ông Hồng Minh S, bà Hồng Thị Huệ Đ mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Hồng Thị Ngọc T 2.444.000 (hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng. Chị Hồng Thị Thanh X và chị Hồng Thị Thanh H cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Hồng Thị Ngọc T 2.444.000 (hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Hồng Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hồng Thanh H, bà Hồng Thị Thanh P, anh Đỗ Hồng Q, bà Hồng Thị Ngọc T, bà Hồng Thị Huệ V, ông Hồng Minh S, bà Hồng Thị Huệ Đ, chị Hồng Thị Thanh X và chị Hồng Thị Thanh H không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng ông Hồng Thanh H, bà Hồng Thị Thanh P, anh Đỗ Hồng Q, bà Hồng Thị Ngọc T, bà Hồng Thị Huệ V, ông Hồng Minh S, bà Hồng Thị Huệ Đ, chị Hồng Thị Thanh X và chị Hồng Thị Thanh H còn phải trả cho bà Hồng Thị Ngọc T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Hồng Thị Ngọc T phải chịu 16.540.000 (mười sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007024 ngày 17/01/2022 và 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007386 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Hồng Thị Ngọc T còn phải nộp thêm 13.790.000 (mười ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Hồng Thanh H, bà Hồng Thị Thanh P, anh Đỗ Hồng Q, bà Hồng Thị Ngọc T, bà Hồng Thị Huệ V, ông Hồng Minh S, bà Hồng Thị Huệ Đ mỗi người phải chịu 16.540.000 (mười sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Chị Hồng Thị Thanh X và chị Hồng Thị Thanh H phải chịu 16.540.000 (mười sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thành Chung